VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/MPS

Review Article

Education System for Healthcare Professionals in the French Republic

Dang Thi Ngan[1], Nguyen Thi Thanh Binh[1,*], Nguyen Thanh Hai[1], Le Ngoc Thanh[1], Mai Thanh Duc[2]

[1]*VNU University of Medicine and Pharmacy, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

[2]*Université Paris-Saclay, 3 Rue Joliot Curie, Bâtiment Bouygues, 91190 Gif-sur-Yvette, France*

Received 28th April 2026
Revised 4th May 2026; Accepted 27th May 2026

Abstract: Healthcare professional education constitutes a core component of the education system, playing a critical role in ensuring the quality of the healthcare workforce and the effectiveness of healthcare delivery. In the French Republic, healthcare professional education is organized within a unified legal framework, characterized by strong state regulation and close integration between higher education institutions and professional practice networks. This article analyzes the healthcare professional education system in France on the basis of current legal provisions, focusing on governance mechanisms, admission pathways, the structure of training cycles, training pathways, and the degree system. Four core healthcare professions (medicine, pharmacy, dentistry, and midwifery), together with several other regulated healthcare professions, are examined in relation to training, qualifications, and the right to practice. The findings indicate that the French model is characterized by a high level of national standardization, flexible regulation of admission capacity, and close integration of education, practice, and research. The degree system aligned with the national qualifications framework and the European Qualifications Framework, thereby facilitating the recognition of qualifications and professional mobility within the European Union. This model provides valuable insights for comparative research and reforms in healthcare workforce education in the context of international integration.

Keywords: Healthcare professional education, French Republic, governance mechanisms, training cycles, training pathways, degree system.

* Corresponding author.
E-mail address: binhnguyen.smp@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4999

Hệ thống đào tạo nhân lực y tế tại Cộng hòa Pháp

Đặng Thị Ngần[1], Nguyễn Thị Thanh Bình[1,*],
Nguyễn Thanh Hải[1], Lê Ngọc Thành[1], Mai Thanh Đức[2]

[1] *Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*
[2]*Đại học Paris-Saclay, số 3 đường Joliot Curie, tòa nhà Bouygues, 91190 Gif-sur-Yvette, Pháp*

Nhận ngày 28 tháng 4 năm 2026
Chỉnh sửa ngày 04 tháng 5 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 5 năm 2026

Tóm tắt: Đào tạo nhân lực y tế là một cấu phần cốt lõi của hệ thống giáo dục, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm chất lượng và hiệu quả chăm sóc sức khỏe. Tại Cộng hòa Pháp, đào tạo nhân lực y tế được tổ chức trong khuôn khổ pháp lý thống nhất, với sự điều tiết chặt chẽ của Nhà nước cùng sự gắn kết giữa cơ sở giáo dục đại học và mạng lưới thực hành nghề nghiệp. Bài báo phân tích hệ thống đào tạo nhân lực y tế tại Pháp trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, tập trung vào cơ chế quản lý, phương thức tuyển sinh, cấu trúc chu kỳ đào tạo, lộ trình đào tạo và hệ thống văn bằng. Bốn ngành cốt lõi gồm y khoa, dược học, nha khoa, hộ sinh cũng như một số ngành khác trong lĩnh vực y tế được xem xét trong mối liên hệ giữa đào tạo, văn bằng và quyền hành nghề. Kết quả cho thấy mô hình đào tạo nhân lực y tế tại Pháp đặc trưng bởi mức độ chuẩn hóa quốc gia cao, cơ chế điều tiết linh hoạt về quy mô tuyển sinh và sự tích hợp chặt chẽ giữa đào tạo – thực hành – nghiên cứu. Hệ thống văn bằng được xây dựng tương thích với khung trình độ quốc gia và khung trình độ châu Âu. Qua đó tạo điều kiện cho việc công nhận và di chuyển nghề nghiệp trong Liên minh châu Âu. Mô hình này cung cấp giá trị tham khảo quan trọng cho nghiên cứu so sánh và cải cách đào tạo nhân lực y tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Đào tạo nhân lực y tế, Cộng hòa Pháp, cơ chế quản lý, chu kỳ đào tạo, lộ trình đào tạo, hệ thống văn bằng.

1. Giới thiệu

Đào tạo nhân lực y tế đóng vai trò trung tâm đối với việc đảm bảo chất lượng của hệ thống chăm sóc sức khỏe, đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa nền tảng học thuật và thực hành nghề nghiệp. Tại Cộng hòa Pháp (sau đây gọi tắt là Pháp), đào tạo nhân lực y tế được tổ chức trên cơ sở khung pháp lý thống nhất, chủ yếu trong khuôn khổ giáo dục đại học, gắn liền với mạng lưới các đơn vị thực hành, nhằm trang bị cho người học cả kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của hệ thống y tế quốc gia [1].

Mặc dù đã có những tài liệu đề cập riêng rẽ đến từng ngành như y khoa, dược học hoặc các cải cách tuyển sinh vào khối ngành sức khỏe, các nghiên cứu phân tích toàn diện hệ thống đào tạo nhân lực y tế tại Pháp dưới góc độ cấu trúc và pháp lý vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, mối liên hệ giữa cơ chế quản lý, tổ chức đào tạo, hệ thống văn bằng và quyền hành nghề chưa được làm rõ. Bên cạnh đó, sự phân hóa lộ trình đào tạo giữa các ngành theo chức năng nghề nghiệp và mức độ chuyên môn hóa cũng ít được phân tích.

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: binhnguyen.smp@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4999

Trên cơ sở đó, bài báo được thực hiện nhằm phân tích hệ thống đào tạo nhân lực y tế tại Pháp theo cách tiếp cận cấu trúc và pháp lý, tập trung vào cơ chế quản lý, tổ chức đào tạo, mối liên hệ giữa văn bằng và quyền hành nghề, cũng như đặc điểm tích hợp giữa đào tạo, thực hành và nghiên cứu. Qua đó, góp phần làm rõ logic tổ chức của mô hình đào tạo nhân lực y tế tại Pháp và cung cấp cơ sở tham khảo cho nghiên cứu so sánh và cải cách đào tạo trong lĩnh vực y tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là tổng hợp tài liệu, phân tích, so sánh và nhận định. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến giáo dục đại học và hành nghề y tế, đặc biệt là Bộ luật Giáo dục (Code de l'éducation), Bộ luật Y tế Công cộng (Code de la santé publique), cùng các nghị định, quy định chuyên ngành và tài liệu công bố chính thức của cơ quan quản lý, tổ chức nghề nghiệp và cơ sở đào tạo y tế được tiếp cận tại thời điểm bắt đầu nghiên cứu tháng 01 năm 2026.

Các thành tố được quan tâm chủ yếu là khung pháp lý, cơ chế quản lý, tuyển sinh, cấu trúc đào tạo, hệ thống văn bằng, cơ sở thực hành và mối liên hệ giữa đào tạo với quyền hành nghề. Cấu trúc và lộ trình đào tạo của các ngành y tế cốt lõi như y khoa, dược học, nha khoa và hộ sinh được đối chiếu nhằm làm rõ sự phân hóa theo chức năng nghề nghiệp và mức độ chuyên môn hóa. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện đặc điểm tổ chức, cơ chế điều tiết và sự gắn kết giữa đào tạo, thực hành và hành nghề trong mô hình đào tạo nhân lực y tế tại Pháp.

3. Khung pháp lý và cơ chế quản lý đào tạo nhân lực y tế tại Pháp

3.1. Vị trí và khung pháp lý của đào tạo nhân lực y tế trong hệ thống giáo dục Pháp

Về phương diện pháp lý, khung đào tạo nhân lực chăm sóc sức khỏe tại Pháp được xây dựng trên cơ sở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quốc gia, trong đó Bộ luật Giáo dục (Code de l'éducation) và Bộ luật Y tế Công cộng (Code de la santé publique) giữ vai trò trụ cột. Hai bộ luật này quy định rõ phạm vi các ngành đào tạo, loại hình văn bằng được công nhận, cũng như mối liên hệ mang tính bắt buộc giữa quá trình đào tạo, việc cấp văn bằng và quyền hành nghề trong lĩnh vực y tế.

Theo Điều L631-1 của Bộ luật Giáo dục, đào tạo nhân lực y tế theo nghĩa pháp lý được hiểu chủ yếu là các chương trình đào tạo đại học dẫn đến hành nghề trong bốn ngành chăm sóc sức khoẻ cốt lõi: y khoa, dược học, nha khoa và hộ sinh, đây cũng là những đối tượng chính của bài tổng quan [1]. Song song với các ngành nêu trên, Bộ luật Y tế Công cộng quy định chi tiết về danh xưng nghề nghiệp, phạm vi hoạt động chuyên môn và điều kiện hành nghề đối với các ngành y tế và cận lâm sàng như điều dưỡng, vật lý trị liệu, ngôn ngữ trị liệu, kỹ thuật y học [2].

Việc hoàn thành các chương trình đào tạo trong lĩnh vực y tế và cận lâm sàng cho phép người học được cấp văn bằng Nhà nước (diplômes d'État), trên cơ sở chương trình đã được Nhà nước phê duyệt và đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp tương ứng. Các văn bằng này có giá trị pháp lý thống nhất trên toàn lãnh thổ. Theo quy định của Bộ luật Y tế Công cộng, đây là điều kiện bắt buộc để đăng ký và hành nghề hợp pháp [2].

Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục đại học Pháp còn bao gồm các lĩnh vực liên quan gián tiếp đến y tế như y tế công cộng, khoa học y sinh, quản lý y tế và luật y tế. Các lĩnh vực này chủ yếu được đào tạo trong khuôn khổ hệ thống ba bậc cử nhân – thạc sĩ – tiến sĩ (Licence - Master - Doctorat - LMD) và dẫn đến các văn bằng quốc gia (diplômes nationaux). Tuy đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu, quản trị và hoạch định chính sách y tế, song các văn bằng này không trực tiếp dẫn đến quyền hành nghề chăm sóc sức khoẻ theo quy định pháp luật [1, 3].

Khung pháp lý chung đối với các cơ sở giáo dục đại học tham gia đào tạo nhân lực chăm sóc sức khoẻ, được quy định tại các Điều L731-1 đến L732-4 của Bộ luật Giáo dục Pháp [3]. Trên thực tế, các chương trình đào tạo nhân lực chăm sóc

sức khoẻ dẫn đến hành nghề được triển khai chủ yếu tại các trường đại học công lập, thông qua các đơn vị chuyên trách về lĩnh vực sức khỏe (thường được gọi là "facultés de santé"), đồng thời gắn kết chặt chẽ với hệ thống cơ sở thực hành, đặc biệt là các trung tâm đại học – bệnh viện (centres hospitaliers universitaires – CHU), theo mô hình tích hợp giữa đào tạo, chăm sóc và nghiên cứu. Nội dung chương trình, phương thức đánh giá và điều kiện cấp bằng được chuẩn hóa ở cấp quốc gia nhằm bảo đảm tính thống nhất trong đào tạo và hành nghề [1, 2].

Các cơ sở giáo dục đại học tư thục được phép tham gia đào tạo nhân lực y tế, song phạm vi và thẩm quyền cấp văn bằng bị giới hạn dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt của Nhà nước, thường thông qua các mô hình hợp tác với đại học công lập hoặc các cơ chế chứng nhận đặc biệt. Trong thực tiễn, khu vực này tham gia chủ yếu vào các ngành như điều dưỡng, vật lý trị liệu, chăm sóc y tế và quản trị y tế. Đối với các cơ sở tư thục không vì lợi nhuận, việc được công nhận là cơ sở giáo dục đại học tư thục có lợi ích chung (Établissement d'enseignement supérieur privé d'intérêt général – EESPIG), theo quy định của Nghị định số 2014-635 ngày 18/6/2014, cho phép họ tăng cường hợp tác với các trường đại học công lập trong việc triển khai một số chương trình đào tạo liên quan đến y tế, dưới sự bảo trợ và giám sát của Nhà nước [4].

Như vậy, đào tạo nhân lực y tế là một cấu phần trọng yếu, giữ vị trí đặc thù trong hệ thống giáo dục đại học của Pháp. Các chương trình đào tạo dẫn đến hành nghề y tế được tổ chức trong khuôn khổ pháp lý thống nhất, chủ yếu tại các trường đại học công lập. Không giống với nhiều lĩnh vực, đào tạo nhân lực y tế có mối liên hệ trực tiếp và chặt chẽ với điều kiện hành nghề. Do đó, nội dung chương trình, phương thức đánh giá và việc cấp văn bằng đều được chuẩn hóa ở cấp quốc gia nhằm bảo đảm chất lượng chuyên môn, an toàn cho người bệnh và tính thống nhất trong đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống chăm sóc sức khỏe. Mối liên hệ trực tiếp giữa đào tạo, văn bằng và quyền hành nghề cho thấy vai trò điều tiết trung tâm của Nhà nước trong bảo đảm chất lượng chuyên môn và an toàn người bệnh.

3.2. Cơ chế quản lý và các chủ thể tham gia điều phối đào tạo nhân lực y tế tại Pháp

Ở cấp trung ương, Bộ Giáo dục Đại học và Nghiên cứu (Ministère de l'Enseignement supérieur et de la Recherche) chịu trách nhiệm quản lý khung đào tạo đại học trong lĩnh vực y tế theo quy định của Bộ luật Giáo dục. Cơ quan này ban hành các quy định liên quan đến tổ chức đào tạo đại học, chương trình khung, phương thức tuyển sinh vào các ngành y khoa, dược học, nha khoa và hộ sinh thông qua lộ trình tiếp cận chuyên biệt vào các ngành sức khỏe (Parcours Accès Santé Spécifique - PASS) và chương trình cử nhân có định hướng vào các ngành sức khỏe (Licence Accès Santé - L.AS), cũng như việc cấp các văn bằng đào tạo tương ứng trong hệ thống giáo dục đại học [5]. Bộ giữ vai trò trung tâm trong việc điều phối hoạt động đào tạo tại các trường đại học và các đơn vị đào tạo trực thuộc.

Song song với đó, Bộ Y tế, Gia đình, Tự chủ và Người khuyết tật (Ministère de la Santé, des Familles, de l'Autonomie et des Personnes handicapées) tham gia điều tiết các nội dung liên quan trực tiếp đến hành nghề trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ trên cơ sở các quy định của Bộ luật Y tế Công cộng. Cơ quan này phối hợp trong việc xác định nhu cầu nhân lực y tế, tham gia xây dựng chính sách về quy mô đào tạo, tổ chức đào tạo thực hành lâm sàng và đào tạo nội trú tại các cơ sở y tế. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng việc hành nghề chăm sóc sức khoẻ tại Pháp không dựa trên giấy phép hành chính, mà dựa trên việc người học đã được cấp văn bằng phù hợp theo chương trình đào tạo được Nhà nước phê duyệt và đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp lý về hành nghề theo Bộ luật Y tế Công cộng [6].

Ở cấp cơ sở đào tạo, việc triển khai các chính sách và quy định do cơ quan quản lý trung ương ban hành được thực hiện thông qua các Đơn vị Đào tạo và Nghiên cứu (Unités de formation et de recherche – UFR) trực thuộc trường đại học, theo quy định của Bộ luật Giáo dục Pháp. Trong lĩnh vực y tế, các UFR chuyên ngành như y khoa, dược học, nha khoa, hộ sinh là các chủ thể trực tiếp tổ chức hoạt động đào tạo, bao gồm giảng dạy lý thuyết, đào tạo thực hành và quản lý người học trong suốt quá trình đào tạo. Các UFR đồng

thời đóng vai trò đầu mối phối hợp giữa trường đại học và các cơ sở thực hành, đặc biệt là các CHU, trong việc tổ chức đào tạo lâm sàng và đào tạo nội trú. Thông qua cơ chế phối hợp này, các quy định về chương trình đào tạo, chuẩn năng lực và yêu cầu hành nghề do Nhà nước ban hành được cụ thể hóa và thực thi thống nhất ở cấp cơ sở, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo đại học, thực hành nghề nghiệp và hệ thống chăm sóc sức khỏe [5, 6].

Sau khi tốt nghiệp và được cấp văn bằng theo quy định, việc hành nghề trong lĩnh vực y tế tại Pháp tiếp tục chịu sự giám sát của các tổ chức nghề nghiệp quốc gia, trong đó quan trọng nhất là Hội đồng Y khoa Quốc gia (Conseil national de l'Ordre des médecins – CNOM). CNOM không tham gia vào hoạt động đào tạo hay cấp văn bằng, nhưng giữ vai trò bắt buộc trong việc đăng ký hành nghề, giám sát đạo đức nghề nghiệp và bảo đảm tuân thủ các quy định chuyên môn [7]. Tại Pháp, mọi bác sĩ muốn hành nghề hợp pháp đều phải được ghi danh tại Hội đồng Y khoa cấp tỉnh (Conseil départemental de l'Ordre des médecins) nơi dự kiến hành nghề [2, 8].

Bên cạnh đó, Cơ quan Y tế Vùng (Agences régionales de santé – ARS) đóng vai trò điều phối ở cấp địa phương, bảo đảm sự gắn kết giữa chính sách y tế quốc gia và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của từng vùng. Các ARS phối hợp với các trường đại học và cơ sở y tế trong việc đánh giá nhu cầu nhân lực, phân bổ vị trí thực tập và nội trú, qua đó góp phần điều chỉnh quy mô và cơ cấu đào tạo nhân lực y tế phù hợp với đặc thù vùng miền [6].

Cuối cùng, trong giai đoạn sau tốt nghiệp, hoạt động phát triển chuyên môn liên tục (développement professionnel continu – DPC) của nhân viên y tế được tổ chức và giám sát theo khung pháp lý quốc gia. Các Hội đồng nghề nghiệp quốc gia (Conseils nationaux professionnels – CNP) là các cấu trúc chuyên môn theo từng ngành, có vai trò đề xuất định hướng chuyên môn, tham gia xây dựng chuẩn năng lực và nội dung của hoạt động DPC, qua đó góp phần bảo đảm việc cập nhật kiến thức và duy trì chất lượng hành nghề trong suốt vòng đời nghề nghiệp của nhân lực y tế [6].

Từ đó có thể thấy hệ thống đào tạo nhân lực y tế tại Pháp được quản lý thông qua cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước ở cấp trung ương, các cơ sở giáo dục đại học, hệ thống y tế công lập và các tổ chức nghề nghiệp quốc gia. Cơ chế quản lý đa tầng này nhằm bảo đảm sự thống nhất về chương trình đào tạo, chất lượng chuyên môn của người hành nghề, đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, thực hành và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của xã hội.

4. Tuyển sinh và cách thức tổ chức đào tạo nhân lực y tế tại Pháp

4.1. Tuyển sinh, điều tiết và khả năng chuyển tiếp

Trước năm 2020, tuyển sinh vào các ngành y tế tại Pháp được tổ chức thông qua mô hình "năm thứ nhất chung cho các ngành đào tạo về sức khỏe" (Première année commune aux études de santé - PACES). PACES cho phép sinh viên dự tuyển nhiều lần nhưng tồn tại những hạn chế như tính cạnh tranh quá cao, tỷ lệ thất bại lớn và hạn chế khả năng chuyển hướng học tập. Trên cơ sở Luật số 2019-774 ngày 24/7/2019 về tổ chức và chuyển đổi hệ thống y tế, PACES chính thức bị bãi bỏ và được thay thế bằng hai lộ trình tiếp cận mới là PASS và L.AS, áp dụng từ năm học 2020–2021. Hai lộ trình này song song nhưng thống nhất về nguyên tắc pháp lý [1, 2].

PASS là lộ trình năm học đầu tiên được thiết kế chủ yếu cho sinh viên có định hướng theo các ngành y tế. Chương trình bao gồm một khối kiến thức chính về khoa học sức khỏe, kết hợp với một khối kiến thức phụ liên quan đến một ngành học khác, nhằm bảo đảm khả năng chuyển tiếp sang các chương trình cử nhân nếu sinh viên không được tuyển vào các ngành đào tạo về y tế. Theo quy định hiện hành, sinh viên không được phép học lại PASS. Việc không trúng tuyển sau năm học này dẫn đến nghĩa vụ chuyển hướng sang một chương trình đào tạo khác trong hệ thống giáo dục đại học [5].

Trong khi đó, lộ trình L.AS cho phép sinh viên theo học một chương trình cử nhân thuộc các lĩnh vực khác nhau như khoa học, luật, kinh tế, khoa học xã hội,... có tích hợp một khối học

phần liên quan đến khoa học sức khoẻ. Sinh viên có thể tham gia dự tuyển vào các chương trình đào tạo về sức khỏe sau khi hoàn thành các năm học cử nhân phù hợp, theo điều kiện và tiêu chí do từng trường đại học quy định trong khuôn khổ chung của pháp luật [1, 2].

Mỗi sinh viên chỉ được quyền tham gia tối đa hai lần vào quy trình dự tuyển chính thức để vào các chương trình đào tạo về sức khỏe dẫn đến hành nghề [5]. Bên cạnh việc giới hạn số lần dự tuyển, pháp luật Pháp thiết lập cơ chế điều tiết quy mô tuyển sinh thông qua cơ chế chỉ tiêu mở (*numerus apertus*), được xác định hằng năm trên cơ sở năng lực đào tạo của các trường đại học, khả năng tiếp nhận thực hành của hệ thống y tế và nhu cầu nhân lực chăm sóc sức khỏe. Cơ chế này thay thế cơ chế chỉ tiêu đóng (*numerus clausus*) trước đây, cho phép điều chỉnh linh hoạt hơn quy mô đào tạo, đồng thời duy trì sự kiểm soát của Nhà nước đối với chất lượng đào tạo và an toàn nghề nghiệp [6].

Nhìn chung, việc chuyển đổi từ mô hình PACES sang hai lộ trình PASS và L.AS cho thấy xu hướng chuyển từ cơ chế tuyển chọn mang tính loại trừ sang mô hình định hướng và chuyển tiếp linh hoạt hơn trong đào tạo nhân lực y tế. Trên thực tế, cả hai lộ trình đều được thiết kế nhằm bảo đảm sinh viên không bị loại khỏi hệ thống giáo dục đại học khi không trúng tuyển vào các ngành y tế. Các tín chỉ đã tích lũy vẫn được công nhận trong các chương trình cử nhân tương ứng theo hệ thống LMD, cho phép tiếp tục học tập và tốt nghiệp ở lĩnh vực khác. Cách tiếp cận này góp phần giảm nguy cơ thất bại sớm đồng thời gia tăng tính liên thông và hiệu quả sử dụng nguồn lực đào tạo trong giáo dục đại học.

Xét về cấu trúc, PASS và L.AS thể hiện hai định hướng tiếp cận khác nhau. L.AS có mức độ mở rộng học thuật và khả năng chuyển tiếp cao hơn do sinh viên ngay từ đầu theo học một chương trình cử nhân hoàn chỉnh có tích hợp học phần sức khỏe. Trong khi đó, PASS mang tính định hướng trực tiếp vào khối ngành y tế nhưng vẫn tích hợp cơ chế chuyển hướng bắt buộc nhằm hạn chế tình trạng kéo dài thất bại học tập. Việc tồn tại đồng thời hai lộ trình cho thấy hệ thống tuyển sinh mới của Pháp hướng đến đa dạng hóa nền tảng học thuật của nguồn tuyển, giảm tính "độc đạo" trong tiếp cận các ngành y tế và tăng khả năng điều chỉnh lộ trình học tập của người học.

Tương tự, việc thay thế cơ chế *numerus clausus* bằng *numerus apertus* phản ánh sự chuyển đổi từ mô hình kiểm soát số lượng mang tính cứng nhắc sang cơ chế điều tiết linh hoạt hơn đối với nguồn nhân lực y tế. Quy mô tuyển sinh không còn được xác định chủ yếu theo giới hạn hành chính ở cấp quốc gia mà được điều chỉnh trên cơ sở năng lực đào tạo, khả năng tiếp nhận thực hành và nhu cầu nhân lực của hệ thống y tế. Điều này cho thấy tuyển sinh trong lĩnh vực y tế tại Pháp không chỉ nhằm lựa chọn người học mà còn là công cụ điều tiết nguồn nhân lực ở cấp hệ thống.

4.2. Phương thức đào tạo

Khung pháp lý hiện hành cho phép các cơ sở đào tạo nhân lực y tế tại Pháp có quyền tự chủ nhất định trong lựa chọn phương pháp sư phạm với điều kiện tuân thủ các chuẩn đầu ra và chương trình khung do Nhà nước ban hành [1, 2]. Trên cơ sở đó, nhiều phương thức giảng dạy được áp dụng nhằm phát triển toàn diện năng lực người học, thích ứng với tiến bộ khoa học – công nghệ, đổi mới y tế và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của xã hội. Ở các giai đoạn đầu, nội dung học tập chủ yếu tập trung vào khoa học cơ sở và y sinh học. Bên cạnh các hình thức giảng dạy truyền thống như bài giảng lý thuyết và thực hành có hướng dẫn, nhiều cơ sở đào tạo đã triển khai các phương pháp sư phạm tích cực như học dựa trên vấn đề, học theo tình huống, đào tạo mô phỏng, học phần tích hợp, ứng dụng công nghệ số trong thực hành tiền lâm sàng.

Từ các giai đoạn tiếp theo, thực hành và đào tạo lâm sàng giữ vai trò trung tâm. Các đợt thực tập bắt buộc được triển khai tại các cơ sở liên kết được Nhà nước công nhận như CHU, bệnh viện công, cơ sở chăm sóc ban đầu, nhà thuốc và các cơ sở y tế chuyên ngành. Hoạt động đào tạo lâm sàng được thực hiện dưới sự giám sát của đội ngũ giảng viên – hành nghề viên đáp ứng điều kiện pháp lý và chuyên môn theo quy định.

Có thể nhận thấy xu hướng chuyển ngày càng rõ nét từ mô hình truyền thụ kiến thức sang đào tạo định hướng năng lực và tích hợp thực hành trong đào tạo nhân lực y tế tại Pháp. Cách thức tổ chức này tạo sự liên tục giữa đào tạo học thuật và môi trường hành nghề thực tế, qua đó giúp người học từng bước hình thành năng lực chuyên môn trong bối cảnh chăm sóc sức khỏe cụ thể. Qua đó phản ánh định hướng đào tạo gắn chặt với yêu cầu chuyên môn và sự phát triển của hệ thống y tế hiện đại.

4.3. Đánh giá kết quả học tập

Đối với đào tạo nhân lực y tế, ở những giai đoạn đầu của chương trình, nội dung đánh giá chủ yếu tập trung vào kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản. Trong những giai đoạn sau, việc đánh giá được thực hiện thông qua quan sát, nhận xét và thẩm định năng lực của người học trong quá trình thực hành, chăm sóc người bệnh, làm việc nhóm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Tại những giai đoạn then chốt của một số ngành hay chuyên ngành đặc biệt, việc vượt qua các kỳ thi hoặc cơ chế đánh giá mang tính quốc gia là điều kiện bắt buộc để được chuyển tiếp hoặc công nhận hoàn thành chương trình.

Cụ thể, trong y khoa, việc chuyển tiếp từ chu kỳ đào tạo cơ sở sang đào tạo chuyên ngành nội trú phụ thuộc vào kết quả kỳ thi xếp hạng quốc gia (Épreuves dématérialisées nationales – EDN) vào cuối chu kỳ hai. Kết quả EDN quyết định quyền tiếp cận đào tạo nội trú, chuyên ngành được lựa chọn và cơ sở đào tạo, đồng thời là điều kiện pháp lý bắt buộc để tiếp tục lộ trình hành nghề bác sĩ. Đối với dược học, sinh viên muốn lựa chọn các chuyên ngành đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu và phạm vi hành nghề đặc thù như dược bệnh viện và sinh học y học phải trúng tuyển kỳ thi nội trú dược quốc gia để được theo học chương trình nội trú kéo dài bốn năm. Kỳ thi này mang tính chọn lọc cao và là điều kiện bắt buộc để tiếp cận các vị trí hành nghề tương ứng. Trong nha khoa, việc hoàn thành chương trình đào tạo dẫn đến văn bằng hành nghề không gắn với một kỳ thi quốc gia xếp hạng phổ quát như y khoa, nhưng việc tiếp cận các chương trình nội trú dài và chuyên ngành sâu như chỉnh nha, phẫu thuật miệng,… vẫn phụ thuộc vào kỳ thi tuyển chọn quốc gia riêng. Ngược lại, đối với hộ sinh, việc chuyển tiếp và tốt nghiệp chủ yếu dựa trên đánh giá liên tục, thực hành lâm sàng bắt buộc và kỳ thi tốt nghiệp theo khung quốc gia, mà không tổ chức kỳ thi nội trú hay xếp hạng quốc gia.

Như vậy, đánh giá kết quả học tập trong đào tạo nhân lực y tế tại Pháp được tổ chức theo nguyên tắc liên tục, đa chiều và gắn với chuẩn năng lực nghề nghiệp, đồng thời có sự phân hóa giữa các ngành theo phạm vi hành nghề và mức độ chuyên môn hóa. Hộ sinh là ngành có phạm vi hành nghề được xác định rõ và lộ trình đào tạo tương đối thống nhất ngay từ đầu. Trong khi đó, y khoa và một số chuyên ngành của dược học hoặc nha khoa chịu sự điều tiết chặt chẽ hơn thông qua các kỳ thi quốc gia và cơ chế tuyển chọn chuyên sâu, chủ yếu tại những giai đoạn quyết định việc tiếp cận đào tạo chuyên ngành hoặc hành nghề đặc biệt. Điều này cho thấy việc đánh giá kết quả học tập không chỉ nhằm công nhận hoàn thành chương trình đào tạo mà còn là công cụ kiểm soát chất lượng hành nghề, bảo đảm an toàn người bệnh và điều tiết nguồn nhân lực y tế ở cấp quốc gia [1-2, 5].

4.4. Công nhận kết quả học tập và văn bằng

Việc công nhận kết quả học tập trong đào tạo nhân lực y tế tại Pháp được thực hiện thông qua hệ thống văn bằng được Nhà nước bảo đảm giá trị pháp lý và tính thống nhất trên toàn lãnh thổ. Các văn bằng trung gian xác nhận việc hoàn thành từng giai đoạn đào tạo, trong khi các văn bằng Nhà nước cuối cùng là điều kiện pháp lý bắt buộc để được đăng ký hành nghề trong các ngành y tế tương ứng. Đối với các ngành y tế hành nghề độc lập, việc công nhận văn bằng gắn liền với nghĩa vụ đăng ký với các tổ chức nghề nghiệp có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Y tế công cộng [1, 2].

Hệ thống văn bằng này được thiết kế phù hợp với khung trình độ quốc gia và khung trình độ châu Âu (European Qualifications Framework - EQF), tạo điều kiện cho việc công nhận và di chuyển nghề nghiệp trong phạm vi Liên minh châu Âu [7]. Các cơ chế kể trên cho thấy việc

công nhận kết quả học tập và hệ thống văn bằng trong đào tạo nhân lực y tế tại Pháp không chỉ xác nhận trình độ đào tạo mà còn bảo đảm sự liên thông giữa đào tạo, hành nghề chuyên môn và công nhận nghề nghiệp ở cả cấp quốc gia và châu Âu.

5. Lộ trình đào tạo các ngành y tế cốt lõi tại Pháp

Sau năm đầu đại học chung (PASS hoặc L.AS), sinh viên trúng tuyển tiếp tục theo học các chương trình đào tạo chính quy của các ngành y tế chính. Các chương trình này được tổ chức theo lộ trình liên tục, kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành, nhằm hình thành từng bước các năng lực nghề nghiệp cần thiết cho hành nghề. Trên cơ sở một khung đào tạo thống nhất ở cấp quốc gia, nội dung và cách thức tổ chức đào tạo của từng ngành được thiết kế phù hợp với chức năng nghề nghiệp đặc thù, thể hiện qua mức độ chuyên môn hóa, cường độ thực hành và các yêu cầu hành nghề khác nhau [1, 2].

5.1. Đào tạo y khoa

Y khoa là một trụ cột của hệ thống đào tạo nhân lực y tế tại Pháp, nhằm hình thành đội ngũ bác sĩ y khoa có năng lực chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa bệnh tật, đồng thời đáp ứng các yêu cầu cao về trách nhiệm nghề nghiệp và an toàn người bệnh. Chương trình đào tạo y khoa chính quy được tổ chức theo ba chu kỳ liên tiếp, với mức độ tích hợp giữa đào tạo lý thuyết và thực hành lâm sàng ngày càng tăng.

- Chu kỳ đào tạo cơ sở có thời lượng danh nghĩa ba năm bao gồm cả năm tiếp cận ngành, tập trung vào khoa học y sinh, y học cơ sở và bước đầu tiếp cận thực hành lâm sàng. Nội dung đào tạo bao gồm các khoa học nền tảng như giải phẫu học, sinh lý học, sinh học tế bào, sinh hóa, vi sinh – miễn dịch, bệnh học đại cương, cùng các học phần giới thiệu về lâm sàng và y học dự phòng. Song song với giảng dạy lý thuyết, sinh viên bắt đầu tham gia các đợt thực tập quan sát và thực hành ban đầu tại cơ sở y tế. Kết thúc chu kỳ này, sinh viên được cấp văn bằng đào tạo cơ sở về khoa học y học (Diplôme de formation générale en sciences médicales - DFGSM). Đây là văn bằng đại học quốc gia, tương đương trình độ cử nhân trong hệ thống LMD, nhưng không phải là văn bằng hành nghề và không cho phép hành nghề độc lập. Việc chuyển hướng sang các ngành đào tạo khác ở giai đoạn này nhìn chung hạn chế, phản ánh tính định hướng nghề nghiệp sớm và tính liên tục của đào tạo y khoa tại Pháp.

- Chu kỳ đào tạo chuyên sâu có thời lượng danh nghĩa ba năm, nhằm củng cố kiến thức lâm sàng và phát triển năng lực thực hành thông qua mô hình đào tạo kết hợp giữa trường đại học và bệnh viện. Trong giai đoạn này, sinh viên tham gia các đợt thực tập lâm sàng luân phiên tại các chuyên khoa chính (nội, ngoại, sản – nhi, tâm thần, y học cấp cứu,...), đồng thời tiếp tục học các học phần lý thuyết nâng cao, lâm sàng tích hợp và phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng. Kết thúc chu kỳ hai, sinh viên được cấp văn bằng đào tạo chuyên sâu về khoa học y học (Diplôme de formation approfondie en sciences médicales - DFASM). Văn bằng này xác nhận việc hoàn thành đào tạo y khoa cơ sở và chuyên sâu, đồng thời là điều kiện bắt buộc để tham dự kỳ thi xếp hạng quốc gia nhằm phân bổ vào các chương trình đào tạo nội trú theo chuyên ngành.

- Chu kỳ đào tạo nội trú là giai đoạn đào tạo chuyên ngành và hành nghề có giám sát, với thời lượng danh nghĩa từ ba đến sáu năm, tùy theo chuyên ngành (bác sĩ đa khoa hoặc các chuyên khoa). Trong giai đoạn này, bác sĩ nội trú vừa tham gia chăm sóc người bệnh trong khuôn khổ hệ thống y tế, vừa tiếp tục được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, kỹ năng lâm sàng, đạo đức nghề nghiệp và nghiên cứu y học. Hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo nội trú và các yêu cầu học thuật, người học được cấp văn bằng Nhà nước Bác sĩ Y khoa (Diplôme d'État de docteur en médecine). Đây là văn bằng có giá trị pháp lý cho phép hành nghề bác sĩ độc lập tại Pháp với điều kiện đăng ký với Hội đồng Y khoa theo quy định. Văn bằng này đồng thời được công nhận trong phạm vi Liên minh châu Âu theo các cơ chế công nhận nghề nghiệp hiện hành [1-3, 6, 8].

5.2. Đào tạo dược học

Dược học giữ vai trò then chốt trong hệ thống y tế Pháp, đào tạo đội ngũ nhân lực tham gia trực tiếp vào các hoạt động liên quan đến thuốc và sản phẩm y tế, từ sử dụng trong cộng đồng và bệnh viện đến nghiên cứu, sản xuất và quản lý dược phẩm. Chương trình đào tạo dược học chính quy được cấu trúc theo ba giai đoạn kế tiếp, phản ánh sự phân hóa sớm theo định hướng nghề nghiệp.

- Giai đoạn đào tạo cơ sở có thời lượng danh nghĩa ba năm, bao gồm cả năm tiếp cận ngành, tập trung vào các khoa học nền tảng phục vụ cho khoa học dược và y sinh, như hóa học, sinh học, sinh hóa, sinh lý học, vi sinh – miễn dịch, cùng các học phần nhập môn về dược học và hệ thống y tế. Song song với đào tạo lý thuyết, sinh viên bắt đầu tiếp cận các hoạt động thực hành cơ bản và làm quen với môi trường nghề nghiệp. Khi kết thúc, sinh viên đạt trình độ tương đương cử nhân trong hệ thống LMD, được cấp văn bằng đào tạo cơ sở về khoa học dược (Diplôme de formation générale en sciences pharmaceutiques – DFGSP) và đủ điều kiện tiếp tục giai đoạn đào tạo chuyên sâu của ngành dược.

- Giai đoạn đào tạo chuyên sâu kéo dài hai năm, nhằm củng cố kiến thức chuyên ngành và phát triển năng lực thực hành thông qua các học phần về dược lý, dược lâm sàng, bào chế, kiểm nghiệm thuốc, kinh tế dược và quản lý dược phẩm. Sinh viên đồng thời thực hiện các đợt thực tập bắt buộc trong các cơ sở phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Hoàn thành giai đoạn này, sinh viên được cấp văn bằng đào tạo chuyên sâu về khoa học dược (Diplôme de formation approfondie en sciences pharmaceutiques - DFASP).

- Giai đoạn hoàn thiện và chuyên môn hóa được tổ chức theo hai lộ trình chính, tùy theo định hướng nghề nghiệp. Đối với đa số sinh viên, lộ trình này bao gồm một năm đào tạo bổ sung không nội trú, kết hợp học tập và thực hành nghề nghiệp, để hoàn tất chương trình và được cấp văn bằng Nhà nước Dược sĩ (Diplôme d'État de docteur en pharmacie). Đối với những sinh viên định hướng chuyên sâu về dược bệnh viện hoặc sinh học y học, giai đoạn này được thực hiện dưới hình thức đào tạo nội trú (internat) kéo dài bốn năm, sau khi trúng tuyển kỳ thi quốc gia. Trong cả hai trường hợp, văn bằng Diplôme d'État de docteur en pharmacie là chuẩn mực thống nhất, có giá trị pháp lý cho phép hành nghề dược sĩ tại Pháp với điều kiện đăng ký hành nghề theo quy định và được công nhận trong phạm vi Liên minh châu Âu theo các cơ chế hiện hành [1-3, 6].

5.3. Đào tạo nha khoa

Nha khoa là một ngành y tế chính, đào tạo bác sĩ nha khoa với trọng tâm là chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh lý răng miệng, trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa khoa học y sinh, khoa học chuyên ngành và thực hành lâm sàng. Chương trình đào tạo nha khoa chính quy được tổ chức theo ba chu kỳ liên tiếp, với mức độ chuyên môn hóa và thực hành tăng dần.

- Chu kỳ đào tạo cơ sở có thời lượng danh nghĩa ba năm tính cả năm tiếp cận ngành, tập trung vào các khoa học nền tảng và cơ sở của nha khoa, bao gồm giải phẫu đầu – cổ, sinh học, sinh lý học, mô học, sinh học răng miệng, cùng các học phần nhập môn về nha khoa và y học. Kết thúc chu kỳ này, sinh viên được cấp văn bằng đào tạo cơ sở về khoa học nha khoa (Diplôme de formation générale en sciences odontologiques - DFGSO). Đây là văn bằng đại học quốc gia, tương đương trình độ cử nhân trong hệ thống LMD, nhưng không phải là văn bằng hành nghề và không cho phép hành nghề nha sĩ độc lập.

- Chu kỳ đào tạo chuyên sâu kéo dài ba năm, nhằm phát triển toàn diện năng lực chuyên môn và lâm sàng. Nội dung đào tạo tập trung vào các chuyên ngành nha khoa chính như điều trị bảo tồn, phục hình răng, phẫu thuật miệng, chỉnh nha, nha chu, răng trẻ em, cùng các học phần về chẩn đoán, kiểm soát nhiễm khuẩn, đạo đức nghề nghiệp và quản lý hành nghề. Trong giai đoạn này, sinh viên dành phần lớn thời gian cho thực hành lâm sàng có giám sát tại các cơ sở đào tạo và chăm sóc răng miệng gắn với bệnh viện đại học. Kết thúc chu kỳ hai, sinh viên được cấp văn bằng đào tạo chuyên sâu về khoa học nha khoa (Diplôme de formation approfondie en sciences odontologiques - DFASO).

- Chu kỳ đào tạo nội trú ngắn có thời lượng danh nghĩa một năm, nhằm hoàn thiện năng lực hành nghề và chuẩn bị cho việc hành nghề độc lập. Hoàn thành chu kỳ này và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu học thuật, sinh viên được cấp văn bằng Nhà nước Bác sĩ phẫu thuật nha khoa (Diplôme d'État de docteur en chirurgie dentaire). Đây là văn bằng Nhà nước có giá trị pháp lý cho phép hành nghề nha sĩ tại Pháp, với điều kiện đăng ký với Hội đồng Nha khoa theo quy định. Bên cạnh đó, một số sinh viên có thể tham gia chu kỳ đào tạo nội trú dài thông qua kỳ thi quốc gia để theo học các chuyên ngành nha khoa chuyên sâu; tuy nhiên, lộ trình này mang tính chọn lọc cao và không phải là con đường phổ biến cho hành nghề chung [1-3, 6].

5.4. Đào tạo hộ sinh

Hộ sinh là ngành hành nghề độc lập trong hệ thống đào tạo và hành nghề chăm sóc sức khoẻ tại Pháp, có vị trí pháp lý và phạm vi hành nghề được quy định riêng. Đào tạo hộ sinh tập trung vào chăm sóc toàn diện cho phụ nữ trong thai kỳ, khi sinh, giai đoạn hậu sản và chăm sóc sức khỏe sinh sản, với mô hình đào tạo định hướng chính vào thực hành nghề nghiệp. Chương trình đào tạo hộ sinh được tổ chức theo một lộ trình thống nhất kéo dài năm năm tính cả năm tiếp cận ngành. Ba năm đầu tương ứng với trình độ cử nhân trong hệ thống LMD. Giai đoạn đào tạo chuyên ngành bao gồm các học phần về khoa học y sinh và y học cơ sở, sản khoa, phụ khoa, nhi khoa, chăm sóc sơ sinh, sức khỏe sinh sản, y học dự phòng, cùng các nội dung về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật y tế và giao tiếp trong chăm sóc sức khỏe.

Ngành Hộ sinh không tổ chức đào tạo nội trú theo nghĩa pháp lý nhưng thực hành lâm sàng chiếm tỷ trọng lớn và được triển khai liên tục tại các cơ sở y tế, đặc biệt là các khoa sản và CHU, dưới sự giám sát của các hộ sinh và bác sĩ có thẩm quyền. Hoàn tất toàn bộ chương trình, người học được cấp văn bằng Nhà nước Hộ sinh (Diplôme d'État de sage-femme), có giá trị pháp lý cho phép hành nghề độc lập tại Pháp, với điều kiện đăng ký hành nghề theo quy định hiện hành [1-3, 6].

5.5. Phân hóa cấu trúc đào tạo theo chức năng nghề nghiệp

Mặc dù cùng thuộc nhóm các ngành y tế chính và chịu sự điều tiết thống nhất của Nhà nước, đào tạo y khoa, dược học, nha khoa và hộ sinh tại Pháp được thiết kế theo các cấu trúc khác nhau, phản ánh rõ sự phân hóa về chức năng nghề nghiệp, phạm vi hành nghề và mức độ chuyên môn hóa của từng ngành.

Về các điểm tương đồng, cả bốn ngành đều được tổ chức trong khuôn khổ giáo dục đại học công lập, tiếp cận thông qua các lộ trình tuyển sinh chung ở bậc đại học (PASS hoặc L.AS), gắn kết chặt chẽ với hệ thống CHU và cơ sở thực hành được phê duyệt. Chương trình đào tạo của các ngành này đều kết hợp giữa lý thuyết, thực hành và lâm sàng, đồng thời đánh giá năng lực theo chuẩn quốc gia, dẫn tới việc cấp văn bằng Nhà nước - điều kiện pháp lý bắt buộc để hành nghề độc lập. Mối liên hệ trực tiếp giữa đào tạo, văn bằng và quyền hành nghề là đặc điểm chung nổi bật của toàn bộ nhóm ngành này.

Sự khác biệt thể hiện rõ trước hết ở thời lượng và cấu trúc đào tạo. Y khoa có lộ trình đào tạo dài nhất, được tổ chức theo ba chu kỳ hoàn chỉnh, trong đó chu kỳ nội trú đóng vai trò bắt buộc và kéo dài, phản ánh phạm vi hành nghề rộng và trách nhiệm chuyên môn cao của bác sĩ y khoa. Dược học có cấu trúc linh hoạt hơn, với giai đoạn hoàn thiện nghề nghiệp được tổ chức theo hai lộ trình (nội trú và không nội trú), tương ứng với sự đa dạng về vị trí hành nghề của dược sĩ trong hệ thống y tế và công nghiệp dược. Nha khoa được tổ chức theo mô hình đào tạo chuyên biệt sớm, với tỷ trọng lớn dành cho thực hành lâm sàng trong suốt chương trình và chu kỳ hoàn thiện nghề nghiệp ngắn, phù hợp với phạm vi hành nghề tập trung vào các vấn đề về răng miệng. Trong khi đó, hộ sinh có lộ trình đào tạo ngắn hơn, không tổ chức đào tạo nội trú, nhưng được thiết kế theo hướng chuyên môn hóa rõ rệt ngay từ đầu, phản ánh tính độc lập nghề nghiệp và phạm vi hành nghề được pháp luật xác định riêng biệt đối với hộ sinh.

Như vậy, cấu trúc đào tạo của bốn ngành chính trong hệ thống y tế tại Pháp vừa bảo đảm nền tảng chung về chuẩn hóa quốc gia và gắn kết

chặt chẽ với hoạt động chăm sóc sức khỏe, vừa thể hiện sự phân hóa hợp lý theo chức năng nghề nghiệp. Cách tiếp cận này cho phép công tác đào tạo đáp ứng đồng thời các yêu cầu về chất lượng chuyên môn, an toàn người bệnh và hiệu quả phân bổ nguồn nhân lực y tế trong dài hạn.

6. Đào tạo một số ngành chăm sóc sức khỏe khác tại Pháp

Bên cạnh bốn ngành cốt lõi, tại Pháp còn có nhiều ngành chăm sóc sức khỏe khác như vật lý trị liệu, điều dưỡng, ngôn ngữ trị liệu, kỹ thuật nhãn khoa, chỉnh hình và dụng cụ chỉnh hình,… Những ngành này đều được pháp luật quản lý, điều chỉnh bởi Bộ luật Y tế Công cộng, song không thuộc nhóm các ngành y tế theo nghĩa pháp lý hẹp [2].

Về tuyển sinh, một số ngành (đặc biệt là vật lý trị liệu) hiện nay có thể tiếp cận thông qua các lộ trình PASS hoặc L.AS, trong khi nhiều ngành khác tuyển sinh trực tiếp ở trình độ sau trung học hoặc thông qua các kỳ thi riêng. Khác với đào tạo y khoa, dược học, nha khoa và hộ sinh, các ngành này không tổ chức đào tạo theo chu trình học thuật kéo dài nhiều chu kỳ liên thông, mà chủ yếu được thiết kế dưới dạng chương trình nghề nghiệp định hướng sớm, với thời lượng đào tạo thường từ ba đến năm năm.

Về cấu trúc chương trình, đào tạo các ngành y tế dẫn đến hành nghề khác nhấn mạnh vào kỹ năng thực hành chuyên môn, năng lực chăm sóc và phối hợp liên ngành, trong khi nội dung khoa học cơ sở và nghiên cứu chiếm tỷ trọng hạn chế hơn so với các ngành chăm sóc sức khoẻ cốt lõi. Chương trình thường kết thúc bằng một văn bằng Nhà nước cho phép hành nghề trực tiếp, không kèm theo giai đoạn đào tạo nội trú hay phân nhánh chuyên khoa.

Như vậy, so với bốn ngành y tế chính, các ngành chăm sóc sức khỏe khác có mức độ chuẩn hóa quốc gia tương đương về điều kiện hành nghề, nhưng linh hoạt hơn về mô hình đào tạo và ít phân tầng học thuật hơn. Sự khác biệt này phản ánh rõ sự phân công chức năng nghề nghiệp trong hệ thống y tế Pháp, đồng thời cho phép đảm bảo hiệu quả, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe đa dạng và liên tục của người dân.

7. Cơ sở thực hành, nghiên cứu và giá trị tham khảo của mô hình đào tạo nhân lực y tế Pháp

Chất lượng và tính bền vững của đào tạo nhân lực y tế tại Pháp dựa trên việc tổ chức đồng bộ mạng lưới cơ sở thực hành – thực tập gắn chặt với đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học. Mạng lưới này không giới hạn trong phạm vi CHU mà bao gồm toàn bộ các cơ sở được Nhà nước phê duyệt, bảo đảm cho người học tiếp cận đầy đủ các bối cảnh hành nghề thực tế của từng ngành trong lĩnh vực y tế.

7.1. Mạng lưới cơ sở thực hành trong đào tạo nhân lực y tế

Đào tạo thực hành trong hệ thống y tế Pháp được triển khai tại nhiều loại hình cơ sở khác nhau, tùy theo đặc thù nghề nghiệp của từng ngành. Bên cạnh bệnh viện, các cơ sở này bao gồm trung tâm y tế cộng đồng, phòng khám ngoại trú, nhà thuốc, phòng xét nghiệm y sinh, cơ sở chăm sóc dài hạn, cơ sở y tế – xã hội và các cơ sở chăm sóc y tế ban đầu. Việc công nhận cơ sở thực hành gắn với chuẩn đào tạo quốc gia và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý.

Cách tổ chức này cho phép đào tạo không chỉ tập trung vào kỹ năng kỹ thuật, mà còn giúp người học làm quen với tổ chức hệ thống y tế, phối hợp liên ngành và chăm sóc liên tục. Đối với các ngành như điều dưỡng, vật lý trị liệu, ngôn ngữ trị liệu hoặc dược học, các cơ sở thực hành ngoài bệnh viện giữ vai trò trung tâm trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp cốt lõi.

7.2. Vai trò tập trung của bệnh viện đại học

Trong mạng lưới nói trên, các CHU giữ vai trò đặc thù đối với đào tạo y khoa, nha khoa, dược học và hộ sinh. CHU thực hiện đồng thời ba chức năng pháp lý: chăm sóc bệnh nhân, đào tạo nhân lực y tế và nghiên cứu khoa học. Đây là nơi tập trung các hoạt động đào tạo lâm sàng chuyên sâu, đào tạo nội trú và nghiên cứu y sinh trình độ cao.

Sinh viên ở các giai đoạn đào tạo chuyên sâu và nội trú thực hiện phần lớn hoạt động thực tập lâm sàng tại các CHU, dưới sự hướng dẫn của đội ngũ giảng viên – bác sĩ thuộc mô hình kết hợp đại học – bệnh viện cùng các bác sĩ tham gia giảng dạy tại cơ sở thực hành. Tuy nhiên, CHU không hoạt động tách biệt mà giữ vai trò trung tâm điều phối, liên kết với các cơ sở y tế khác nhằm bảo đảm tính liên tục giữa đào tạo cơ sở, đào tạo chuyên sâu và hoạt động hành nghề thực tế.

7.3. Gắn kết đào tạo, hành nghề và nghiên cứu

Một đặc điểm cấu trúc của hệ thống y tế Pháp là sự chồng lấn chức năng giữa giảng dạy, hành nghề và nghiên cứu trong đội ngũ tham gia đào tạo. Giảng viên y tế thường đồng thời là người hành nghề tại các cơ sở thực hành, cho phép tích hợp trực tiếp các tiến bộ khoa học, hướng dẫn thực hành dựa trên bằng chứng và các chuẩn mực nghề nghiệp vào quá trình đào tạo.

Ở các chu kỳ đào tạo chuyên sâu và sau đại học, người học được tiếp cận với phương pháp nghiên cứu, đánh giá thực hành chuyên môn và cập nhật tri thức khoa học. Đối với y khoa và dược học, đào tạo nội trú đồng thời là giai đoạn hình thành đội ngũ nhà lâm sàng có năng lực tham gia nghiên cứu, góp phần duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao cho giảng dạy đại học và nghiên cứu y sinh.

7.4. Giá trị tham khảo và giới hạn của mô hình

Mô hình đào tạo nhân lực y tế tại Pháp cho thấy hiệu quả của việc kết hợp chặt chẽ giữa chuẩn hóa quốc gia, mạng lưới cơ sở thực hành đa dạng và vai trò trung tâm của nghiên cứu. Cách tiếp cận này giúp bảo đảm chất lượng đào tạo, an toàn nghề nghiệp và sự phù hợp giữa đào tạo với nhu cầu của hệ thống chăm sóc sức khỏe. Tuy vậy, mô hình này cũng đòi hỏi nguồn lực lớn, thời gian đào tạo kéo dài và khả năng điều phối phức tạp giữa các cơ sở đào tạo và thực hành. Trong bối cảnh hội nhập giáo dục đại học và công nhận văn bằng nghề nghiệp tại châu Âu, hệ thống đào tạo nhân lực y tế của Pháp cung cấp những giá trị tham khảo quan trọng cho nghiên cứu so sánh và cải cách đào tạo trong lĩnh vực y tế ở các quốc gia khác.

8. Kết luận

Bài báo đã phân tích hệ thống đào tạo nhân lực y tế tại Pháp dưới góc độ cấu trúc và pháp lý, qua đó làm rõ mối liên hệ giữa cơ chế quản lý, tổ chức đào tạo, hệ thống văn bằng và quyền hành nghề. Mô hình này được đặc trưng bởi mức độ chuẩn hóa quốc gia cao, vai trò điều tiết của Nhà nước và sự gắn kết giữa giáo dục đại học với hệ thống thực hành theo mô hình đại học – bệnh viện. Sự phân hóa lộ trình đào tạo giữa các ngành phản ánh phạm vi hành nghề và mức độ chuyên môn hóa của từng lĩnh vực, trong khi tính tương thích của hệ thống văn bằng với khung trình độ châu Âu tạo điều kiện cho công nhận và di chuyển nghề nghiệp trong Liên minh Châu Âu. Qua đó, bài báo góp phần làm rõ logic tổ chức của mô hình đào tạo nhân lực y tế tại Pháp và cung cấp cơ sở tham khảo cho nghiên cứu so sánh và hoạch định chính sách phát triển nhân lực y tế.

Lời cảm ơn

Bài báo được thực hiện trong khuôn khổ chương trình hợp tác chiến lược giữa Đại học Paris-Saclay và Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội. Các tác giả xin chân thành cảm ơn Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam và chương trình Erasmus+ MIC (International Credit Mobility) về sự hỗ trợ đối với các chuyến thăm và làm việc giữa hai bên. Sự hợp tác này, đặc biệt là các hoạt động trong khuôn khổ dự án Erasmus+ MIC, tạo tiền đề quan trọng cho việc trao đổi học thuật và thúc đẩy các dự án nghiên cứu chung trong lĩnh vực y tế.

Nhóm tác giả xin cảm ơn các đồng nghiệp từ Khoa Dược và Khoa Y của Đại học Paris-Saclay, đặc biệt là GS. Claire Smadja, GS. Patrick Hindlet, GS. Agnès Linglart, GS. Sandrine Ongeri, GS. Myriam Taverna, GS. Isabelle Turbica và GS. Hà Dương Tập đã tích cực trao

đổi và cung cấp nhiều thông tin có giá trị để chúng tôi hoàn thiện bài viết này.

Tài liệu tham khảo

[1] République Française, Code de l'éducation, Article L631-1, Titre III: Les Formations De Santé, Livre VI, Légifrance, 2000 (updated 2026), Available from: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/id/LEGISCTA000027864769 (accessed on: January 10th, 2026).

[2] République Française, Code De La Santé Publique, Légifrance, 2000 (updated 2026), Available from: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/id/LEGITEXT000006072665 (accessed on: January 10th, 2026).

[3] République Française, Code de l'éducation, Articles L731-1 to L732-4, Les Établissements D'enseignement Supérieur Privés, Livre VII, Légifrance, 2000 (updated 2026), Available from: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/id/LEGITEXT000006071191 (accessed on: January 10th, 2026).

[4] République Française, Décret n° 2014-635 du 18 Juin 2014 Relatif Aux Établissements D'enseignement Supérieur Privés D'intérêt Général et au Comité Consultatif Pour L'enseignement Supérieur Privé, Journal Officiel De La République Française, 2014, Available from: https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000029106887 (accessed on: January 10th, 2026).

[5] République Française, Code de l'éducation, Articles Relatifs À L'organisation Des Études De Santé et aux Voies D'accès (PASS et L.AS), *Légifrance*, 2000 (updated 2026), Available from: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/id/LEGITEXT000006071191 (accessed on: January 10th, 2026).

[6] République Française, Code De La Santé Publique, Articles Relatifs Aux Conditions D'exercice Des Professions De Santé (Y Compris Numerus Apertus et Conditions D'habilitation), Légifrance, 2000 (updated 2026). Available from: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/id/LEGITEXT000006072665 (accessed on: January 10th, 2026).

[7] European Parliament and Council, Directive 2005/36/EC on the Recognition of Professional Qualifications, Official Journal of the European Union, L 255, 30 Sept 2005, pp. 22-142, Available from: https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32005L0036 (accessed on: January 10th, 2026).

[8] Conseil National De l'Ordre Des Médecins (France), Site Officiel Du Conseil National De l'Ordre Des Médecins, 2026, Available from: https://www.conseil-national.medecin.fr/ (accessed on: January 10th, 2026).